ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐẠI ĐỒNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 315/QĐ-UBND	*Đại Đồng, ngày 10 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
V/v công bố công khai thực hiện Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước quý II và 6 tháng đầu năm 2026 xã Đại Đồng

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐẠI ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/06/2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/03/2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định 2169/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc giao dự toán thu chi ngân sách cấp xã sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã tỉnh Hưng Yên năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 15/12 /2025 của Hội đồng nhân dân xã Đại Đồng về việc phê duyệt dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 xã Đại Đồng;

Căn cứ Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 22/12/2025 của UBND xã Đại Đồng về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng kinh tế xã Đại Đồng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước qúy II và 6 tháng đầu năm 2026 của xã Đại Đồng.

(Chi tiết các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND & UBND xã, Trưởng phòng Kinh tế, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên;
- TT Đảng ủy-HĐND xã;
- Các phòng, ngành, tổ chức chính trị xã hội;
- Các trưởng thôn ở xã;
- Cổng TT điện tử xã;
- Lưu VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Tôn Ngọc Chuẩn

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐẠI ĐỒNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc
Số: 74/TB-UBND	*Đại Đồng, ngày 10 tháng 6 năm 2026*

THÔNG BÁO

V/v công bố công khai thực hiện Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước quý II và 6 tháng đầu năm 2026 xã Đại Đồng

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/06/2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/03/2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định 2169/QĐ- UBND ngày 12/12/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc giao dự toán thu chi ngân sách cấp xã sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã tỉnh Hưng Yên năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 26 /NQ-HĐND ngày 15/12 /2025 của Hội đồng nhân dân xã Đại Đồng về việc phê duyệt dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 xã Đại Đồng;

Căn cứ Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 22/12/2025 của UBND xã Đại Đồng về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Ủy ban nhân dân xã thông báo công bố công khai Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước quý II và 6 tháng đầu năm 2026 theo Quyết định số 315/QĐ-UBND ngày 10/6/2026 của UBND xã Đại Đồng.

(Chi tiết có các biểu mẫu kèm theo).

Hình thức công khai: Thực hiện đăng tải trên Cổng thông tin điện tử xã Đại Đồng; Bảng niêm yết công khai tại Trung tâm Dịch vụ Hành chính công.

Ủy ban nhân dân xã thông báo để các Phòng, ban; các tổ chức, cá nhân liên quan được biết./.

Nơi nhận:
- TT Đảng ủy-HĐND xã;
- Các phòng, ngành, tổ chức chính trị xã hội;
- Các trưởng thôn ở xã;
- Cổng TT điện tử xã;
- Lưu VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Tôn Ngọc Chuẩn

UBND Xã Đại Đồng

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II/ 6 THÁNG NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 315/QĐ-UBND ngày 10/6/2026 của UBND xã Đại Đồng)

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán	Ước thực hiên	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG SỐ THU	**813.866.700.000**	**253.105.749.822**	**26,29**
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	3.440.000.000	2.645.355.965	
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	562.159.000.000	84.134.329.514	
3	Thu bổ sung	248.267.700.000	113.102.650.253	45,56
-	Bổ sung cân đối	206.988.000.000	86.245.000.000	41,67
-	Bổ sung có mục tiêu	41.279.700.000	26.857.650.253	65,08
4	Thu chuyển nguồn		53.223.414.090	
	TỔNG SỐ CHI	**813.866.700.000**	**129.363.927.383**	**15,89**
1	Chi đầu tư phát triển	555.949.000.000	67.928.286.352	12,22
2	Chi thường xuyên theo lĩnh vực	179.645.700.000	61.435.641.031	34,20
3	Dự phòng	11.134.000.000		0,00
4	Bổ sung có mục tiêu thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, bảo trợ xã hội , hỗ trợ đóng BHYT năm 2026	16.380.000.000		
5	Bổ sung có mục tiêu thực hiện chính sách, an sinh xã hội năm 2026.	20.079.000.000		
6	Các nhiệm vụ chi khác	30.679.000.000		

KBNN Khu vực IV
Xã Đại Đồng

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II/ 6 THÁNG NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 315/QĐ-UBND ngày 10/6/2026 của UBND xã Đại Đồng)

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán		Ước thực hiện		So sánh (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	**962.757.700.000**	**813.866.700.000**	**253.105.749.822**	**253.105.749.822**	**26.29**	**31.1**
I	**Các khoản thu hưởng 100%**			**1.611.424.541**	**1.611.424.541**		
	Các loại phí, lệ phí	80.000.000	80.000.000	42.262.000	42.262.000	52.83	52.83
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	250.000.000	250.000.000	1.164.211.000	1.164.211.000	465.68	465.68
	Thu tiền phạt			97.119.778	97.119.778		
	Thu tịch thu						
	Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước						
	Thu khác còn lại	110.000.000	110.000.000	307.831.763	307.831.763		
II	**Các khoản thu thu phân chia theo tỉ lệ %**			**85.168.260.938**	**85.168.260.938**		
	Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo Trung ương quản lý						
	Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo địa phương quản lý						
	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài						
	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	2.200.000.000	2.200.000.000	772.961.148	772.961.148	35.13	35.13
	Thuế thu nhập cá nhân	2.550.000.000	1.110.000.000	775.260.748	775.260.748	30.4	69.84
	Thuế bảo vệ môi trường do cơ quan thuế thực hiện						
	Lệ phí trước bạ	13.500.000.000	5.100.000.000	2.236.478.540	2.236.478.540	16.57	43.85
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	800.000.000	800.000.000	42.988.048	42.988.048	5.37	5.37
	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước						
	Thu tiền sử dụng đất	695.000.000.000	555.949.000.000	81.340.572.454	81.340.572.454	11.7	14.63
	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết						
	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, vùng trời, vùng biển						
	Thu chênh lệch tỷ giá ngoại tệ						
	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
	Thu hồi các khoản chi năm trước						
	Thu tiền bán hàng hóa, vật tư dự trữ						
	Thu tiền cho thuê, bán tài sản khác						
	Lãi thu từ các khoản tham gia góp vốn của nhà nước						
	Thu hồi vốn, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của NHNN						
III	**Thu Viện trợ**						
D	**Thu chuyển nguồn**			**53.223.414.090**	**53.223.414.090**		
E	**Thu kết dư ngân sách**						
I	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**248.267.700.000**	**248.267.700.000**	**113.102.650.253**	**113.102.650.253**	**45.56**	**45.56**
1	Bổ sung cân đối	206.988.000.000	206.988.000.000	86.245.000.000	86.245.000.000	41.67	41.67
2	Bổ sung có mục tiêu	41.279.700.000	41.279.700.000	26.857.650.253	26.857.650.253	65.08	65.08

UBND Xã Đại Đồng

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II/ 6 THÁNG NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định 315/QĐ-UBND ngày 10/6/2026 của UBND xã Đại Đồng)

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán			Ước thực hiện			So sánh (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	**813.866.700.000**	**555.949.000.000**	**252.917.700.000**	**129.363.927.383**	**67.928.286.352**	**61.435.641.031**	**17.32**	**12.22**	**34.2**
	Tổng chi ngân sách địa phương	**196.025.700.000**		**196.025.700.000**						
	Trong đó									
1	Chi giáo dục	72.319.000.000		72.319.000.000	35.809.425.380	12.522.714.504	23.286.710.876	49.52		32.2
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	2.542.000.000		2.542.000.000				0		0
3	Chi y tế	13.148.000.000		13.148.000.000	6.171.465.299		6.171.465.299	46.94		46.94
4	Chi văn hóa, thông tin	172.680.000		172.680.000	5.526.779.175	4.987.900.560	538.878.615	3200.59		312.07
5	Chi phát thanh, truyền thanh	1.045.000.000		1.045.000.000	42.768.000		42.768.000	4.09		4.09
6	Chi thể dục thể thao				309.702.000		309.702.000			
7	Chi bảo vệ môi trường	1.646.000.000		1.646.000.000	894.423.066	779.281.680	115.141.386	54.34		7
8	Chi các hoạt động kinh tế	4.041.000.000		4.041.000.000	25.202.935.368	25.175.935.368	27.000.000	623.68		0.67
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	37.149.040.000		37.149.040.000	28.846.576.043	12.673.497.404	16.173.078.639	77.65		43.54
10	Chi cho công tác xã hội	39.741.000.000		39.741.000.000	12.179.720.000		12.179.720.000	52.14		52.14
11	Chi quốc phòng	817.020.000		817.020.000	2.208.011.216		2.208.011.216	270.25		270.25
12	Chi an ninh	2.246.960.000		2.246.960.000	12.172.121.836	11.788.956.836	383.165.000	541.72		17.05
13	Chi các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật	21.158.000.000		21.158.000.000				0		0
B	**Bổ sung có mục tiêu thực hiện các chính sách an sinh xã hội năm 2026**	**20.079.000.000**		**20.079.000.000**						
C	**Dự phòng ngân sách**	**11.134.000.000**		**11.134.000.000**				**0**		
D	**Các nhiệm vụ chi khác**	**30.679.000.000**		**30.679.000.000**						